

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HS-PT

Ngày: 08-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bình

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Phạm Tiến Hiệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 93/2020/TLPT-HS ngày 03/8/2020 đối với các bị cáo Điều V.

Do có kháng cáo của bị cáo Điều V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***Bị cáo có kháng cáo:***

**Họ và tên:** Điều V, sinh năm 1999, tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Stiêng; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Điều S, sinh năm 1979 và bà Điều Thị Đ, sinh năm 1980; Tiền án: Ngày 21/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng theo Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HS-ST; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Thái H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/01/2020, Điều V điều khiển xe mô tô hiệu Winner X biển số 93H1-29252 chở Điều H đang trên đường đi về nhà thì V nảy sinh ý định lấy trộm 02 máy cưa, 02 máy phát cỏ của Điều N đem đi bán để lấy tiền tiêu xài nên V nói với H về nhà V lấy máy cưa của V đem đi bán để lấy tiền tiêu xài thì

H đồng ý. Khi về đến gần nhà (cách nhà V khoảng 300m) thì V dừng xe ở vườn điều và nói H đợi còn V đi bộ về hướng nhà của mình để đi qua nhà của N. Khi đến nhà của N thì V sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia chiếu sáng để lấy tài sản thì phát hiện Thị M và Điều Thị H đang ngủ trên giường, trên cổ H có đeo 01 sợi dây chuyền vàng, V đến gỡ lấy sợi dây chuyền vàng trên cổ H, sau đó tiếp tục đi xuống bếp lần lượt lấy 01 máy cưa hiệu Stihl mini không có lam cưa, 01 máy phát cỏ Robin không gắn lưỡi phát, 01 máy phát cỏ hiệu Mitsubishi T200 có gắn lưỡi phát, 01 máy cưa hiệu Stihl G330 có gắn lưỡi rồi đem đến chỗ H đang đợi. Sau đó, V cất giấu 01 máy phát cỏ vào bụi cây, 02 máy cưa và 01 máy phát cỏ còn lại V để lên xe mô tô rồi điều khiển xe chở cả H đến nhà Lâm Văn M để gửi. Khi đến nhà M thì M đã ngủ nên V đem 02 máy cưa và máy phát cỏ vào bếp nhà M cất, sau đó V chở H về nhà ngủ. Đến ngày 13/01/2020, V đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng Kim Phát Bàng bán lấy 1.800.000 đồng, sau đó đi đến nhà M. Tại đây, V nói với M cho V gửi máy cưa, máy phát cỏ để V đi làm thì M đồng ý. Khoảng cuối tháng 01/2020, M có việc phải đi xa nhà nên V nhờ M đem 02 máy cưa và máy phát cỏ đến nhà Lê Văn R gửi. Đầu tháng 02/2020 V đến nhà R lấy máy phát cỏ đem đến quán ăn của người tên T để gửi.

Ngày 03/02/2020, Điều N, Điều H, Điều T đến Công an xã Đ để trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 04/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- 01 máy cưa Stihl mini không có lam cưa, đã qua sử dụng mua năm 2017 có giá trị là 500.000 đồng;
- 01 máy phát cỏ hiệu Mitsubishi T2000 có gắn lưỡi phát đã qua sử dụng mua năm 2019 có giá trị là 1.700.000 đồng;
- 01 máy cưa hiệu Stihl G330 đã qua sử dụng mua năm 2017 có giá trị là 1.500.000 đồng;

Tại Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 05/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- 01 máy phát cỏ Robin đã qua sử dụng mua năm 2015 có giá trị là 1.500.000 đồng;
- 01 dây chuyền vàng 18K dài khoảng 35cm dạng dây xích có trọng lượng khoảng 08 phân có giá trị 1.700.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản bị cáo V đã chiếm đoạt là 6.900.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Điều V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Điều V 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh

Bình Phước. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 23/6/2020 bị cáo Điều V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo Điều V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được căn cứ mới ngoài những căn cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Điều V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Điều V được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định, do đó việc Tòa án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Điều V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trước khi phạm tội, bị cáo đã có tiền án về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” và tại thời điểm phạm tội mới bị cáo đang trong thời gian thử thách án treo theo quyết định của Bản án số 49/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B. Vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, vào ngày 01/6/2015, bị cáo Điều Vít đã bị Công an huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với hình thức là cảnh cáo.

Tại đơn kháng cáo, bị cáo trình bày các tình tiết để xin giảm nhẹ hình phạt là bị cáo có con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong

gia đình. Tuy nhiên, các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, xem xét, đánh giá khi quyết định hình phạt đối bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 01 (một) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và và đảm bảo mục đích phòng ngừa chung. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Điều V.

Do bị cáo phạm tội khi đang trong thời gian thử thách của án treo theo quyết định của Bản án số 49/2018 ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là không có căn cứ, không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Điều V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Điều V.

Tuyên bố bị cáo Điều V phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Điều V 01 (Một) năm tù;

Áp dụng Điều 56 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt 09 (Chín) tháng tù theo Bản án số 49/2018 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Điều V phải chấp hành là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Điều V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Văn Bình**